

---

#### **Lê Ngô Cát với bộ Quốc sử diễn ca**

*“Vua khen thằng Cát có tài,*

*Ban cho cái khổ với hai đồng tiền*

*Hai câu thơ trên bề ngoài tuy khoác vẻ đùa cợt khôi hài, nhưng bên trong chứa đựng một ý vị chua chát, phản ánh một sự thất vọng sâu xa của chính tác giả, đồng thời cũng là tác giả sách Quốc sử diễn ca.*

*Lê Ngô Cát, tự Bá Hanh, hiệu Trung Mai, sinh năm Đinh Hợi đời Minh Mạng thứ 8 (1827), tại làng Hương Lang (nay thuộc xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ). Ông vốn xuất thân trong một gia đình có truyền thống nho học, cha là Lê Ngọc Duệ, tự Ninh Thủ, hiệu Nhất Chân, nguyên là giám sinh trường Quốc tử giám, đỗ cống sinh năm đầu Minh Mạng (1820), sung làm nội giám ba năm, rồi nhân vì việc nhà xin cáo quan về dạy học.*

*Lê Ngô Cát sinh ra chính trong thời gian thân phụ đã cáo quan về quê, nên được cái may mắn là lúc đến tuổi tới trường thì không phải đi đâu xa, mà học cha ngay tại nhà.*

*Được cha đặc biệt chú ý giáo dục bồi dưỡng, ngay từ lúc còn ít tuổi ông đã tỏ ra có năng khiếu làm thơ Nôm. Nhiều bài phản ánh các cảnh sinh hoạt bình dị ở nông thôn với lời ca mộc mạc. Bài Tắt nước đêm sau đây thuật lại cảnh nửa đêm cùng dân làng tắt nước:*

*“Giác mộng Nam Kha khéo chập chờn,*

*Giữa trời riêng một cảnh giang sơn.*

*Cỏ cây vui thú nằm yên nghỉ,*

*Sấm sét vang tai dạ chẳng sờn.*

*Chênh chênh đèn trắng soi chiếc bóng,*

*Hiu hiu quạt gió phẩy bên sườn.*

*Chút vì nổi nước nên gia sức,*

*Bao quân phong trần mảnh áo đơn”.*

*Năm Mậu Thân đời Tự Đức thứ nhất (1848), ông thi đỗ cử nhân. Sau đó ông ra làm quan, lần lượt trải qua các chức giáo thụ phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương), biên tu ở Quốc sử quán (Huế); án sát tỉnh Cao Bằng. Thời kỳ này, tài làm thơ Nôm của ông càng bộc lộ rõ, ông làm thơ nhanh, nội dung phong phú, hình thức trang nhã.*

*Sau đây là bài thơ làm khi ở Cao Bằng nói lên phần nào tâm tư của ông đã bắt đầu chán chường và muốn thoát khỏi cuộc đời làm quan bon chen, tù túng:*

*Trời đất sinh ta lại hẹp ta,*

*Tờ lui sao luống những dần dà.*

*Quan ba tháng một như tuồng mọi,*

*Tuổi nửa trăm dư dễ muốn già.*

*Gạo đầu chen người thêm bận bịu,*

*Rượu bầu gặp khách đủ khê khà.*

*Sân năm cây liễu, quê ta đó,*

*Một khúc quy lai, ấy gọi là.*

*Tiếp đó, bài thơ làm nhân dịp xin cáo quan về quê chịu tang mẹ đã cho biết rõ thêm vài nét về cuộc sống gần thiên nhiên, gần con người, đồng thời cũng nói lên phần nào tâm sự phóng khoáng ngoài vòng ràng buộc của ông:*

Duyên phận đau mà dăm sắt son,  
Ta về vườn cũ, cúc ta còn.  
Nhặt thêm phong nguyệt, ngày thừa thãi,  
Ôn lại chi hồ, lũ còn con.  
Vui thú chi lan hầu dễ ngán,  
Nhớ mùi mực túc, vẫn là ngon.  
Thị phi thấy cả nhân gian chuyện,  
Giữ lấy phù sinh một cuộc tròn.

Đặc biệt những bài làm hồi ở Cao Bằng lần thứ hai, sau thời gian về quê chịu tang mẹ, cho thấy, ông là một con người giàu tình cảm, đối với vợ, một lòng yêu thương sâu sắc, đối với bạn, một cách đối đãi chân thành:

Một sợi tơ tình buộc lẫn nhau,  
Đêm sương bay tuyết giục cơn sầu.  
Vườn cam<sup>[1]</sup> quán mộng mây xanh ngắt  
Suối Hén<sup>[2]</sup> tuôn tình nước trắng phau.

Và sau đây mượn lời vợ trong bài hát nói, phản ánh sâu sắc tình cảm của người phụ nữ thời phong kiến phải hy sinh hạnh phúc cho lễ giáo:

Mưỡu:

Lần đi lần một bạc đầu,  
Ai ơi tham án phong hầu làm chi.  
Vườn cam này có duyên gì,  
Nợ phong lưu già chi chi cũng tình.

Hát:

Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc  
Hối giao phu tế mệnh phong hầu<sup>[3]</sup>  
Trống Tràng thành giục già vó long câu,  
Người dưới trướng, kẻ trên lầu thêm mắc mắc  
Một chén quân hà dâng phố Bắc,  
Ba chồng sương tuyết đỉnh non cao.  
Xếp bút nghiên theo việc lược thao,  
Phá kinh cửu cho quang miền chướng vự<sup>[4]</sup>  
Thiếp há phải là thân chinh phụ,  
Nặng về tình ngơ ngẩn ngẩn ngơ.  
Quán bao tháng đợi năm chờ,  
Trọn ngày tháng những mong chờ báo tiếp.

*Tung kim chỉ giận mình không cải nghiệp,*

*Thà kiếm cung theo việc Lý gia nương*<sup>[5]</sup>.

*Cờ con trống nhỏ theo chàng.*

Tài làm thơ Nôm của Lê Ngô Cát có cơ hội được bộc lộ rõ trong việc diễn ca lịch sử dân tộc. Như chúng ta đã biết, Lê Ngô Cát có một đóng góp quan trọng vào việc tuyên truyền, phổ biến lịch sử dân tộc rộng rãi trong nhân dân với việc biên soạn cuốn *Quốc sử diễn ca* trong thời gian làm việc tại *Quốc sử quán ở Huế*. Theo *Đại Nam thực lục chính biên* (Đệ tứ kỷ, quyển 18) thì “Tháng ba năm Tự Đức thứ 11, Mậu Ngọ (tháng 4 năm 1858) vua sai các quan coi sử quán là Phan Thanh Giản và Phạm Huy chọn người giỏi quốc âm coi việc sửa chữa *Sử ký quốc ngữ ca* và nối thêm sử đời Lê - Trịnh cho đến đời vua xuất đế (Chiêu Thống), các quan bèn chọn Lê Ngô Cát làm biên tu và Trương Phúc Hào làm chức tư vụ, để sung vào việc đó”<sup>[6]</sup>.

Tháng tư năm 1858, Lê Ngô Cát (và Trương Phúc Hào) bắt tay vào việc vua giao cho, nối thêm phần sử đời Lê Trịnh cho đến đời Lê Chiêu Thống, công việc này làm tới gần hai năm mới hoàn thành. Sách mới lấy tên là *Quốc sử diễn ca*, sau đó lại có Phạm Xuân Quế nhuận sắc, đến khoảng 1860 – 1865, đến lượt Phạm Đình Toái – một danh sĩ quê ở Nghệ An (xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu) sửa chữa lại một phần quan trọng và đặt tên cuối cùng là *Đại Nam quốc sử diễn ca*. Bản của Phạm Đình Toái sau đó còn được nhiều người gia công nhuận chỉnh hay phẩm bình như Phó bảng Phan Đình Thực, Hoàng giáp Nguyễn Hữu Lập, Tiến sĩ Hoàng Văn Tuyền, Tiến sĩ Lê Đình Diên.

Số phận cuốn sách của Lê Ngô Cát sau khi làm xong như thế nào? Tiếc rằng sách *Thực lục* thường chép đầy đủ các việc vua sai làm sách và dâng các sách đã soạn cũng đã chép việc Lê Ngô Cát được vua giao trọng trách chữa sách, nhưng lại không thấy chép việc Lê Ngô Cát dâng sách khi soạn xong. Sách của Lê Ngô Cát sau đó cũng không được khắc in. Truyền rằng, vua Tự Đức chỉ thưởng cho ông một tấm lụa với hai đồng tiền bạc và sau khi được thưởng ông có làm hai câu thơ (như đã ghi ở đầu bài này).

Sau đó, không rõ Phạm Xuân Quế đã nhuận chỉnh sách của Lê Ngô Cát vào lúc nào, ngày nay không thấy tài liệu nào ghi chép lại việc này. Chỉ biết chắc chắn rằng, Phạm Đình Toái đã gia công sửa chữa bản của Lê Ngô Cát (đã được Phạm Xuân Quế nhuận chỉnh) trong khoảng thời gian hai năm từ sau năm 1860 và xong trước năm 1865, khi ông bị cách chức. Trong *Lời thuật* (tức bài tựa) sách *Đại Nam quốc sử diễn ca* cho bản in lần thứ nhất, viết vào đầu thu năm Canh Ngọ đời Tự Đức thứ 23 (1870), Phạm Đình Toái cho biết rõ như sau: “*Quốc sử diễn ca* do quan Án sát tỉnh Cao Bằng là Lê công Ngô Cát vâng lệnh soạn..., quan Hình bộ thị lang là Phạm công Xuân Quế đã nhuận sắc. Toàn sách có cả thảy là 1887 câu (mỗi câu gồm 2 vế lục và bát – Đ.X.L), chép việc đủ mà rõ, không phải chỉ trẻ con đàn bà nơi đồng ruộng có thể đọc lên mà biết, tuy là văn thân học sĩ cũng thích xem, là vì chép việc nước ta, xem qua một lượt có thể biết hết. Nhưng lời văn phiền phức, người đọc chệ là khó nhớ. Tôi không tự lượng trộm lấy sách ấy mà cắt bớt đi, rồi lại thêm vào những chỗ thiếu và sơ lược, biên thành 1027 câu...”.

Đem đối chiếu hai đoạn về bà Trưng khởi nghĩa trong bản Lê Ngô Cát và trong *Đại Nam quốc sử diễn ca* của Phạm Đình Toái, chúng ta thấy Phạm Đình Toái đã thành công trong khá nhiều trường hợp: giữ lại những câu hay nhất, thay thế những câu quá thực thà bằng những câu gọn gàng, bóng bẩy, nhuần nhị hơn, rút gọn số câu của một số đoạn cho được hàm súc, cô đọng hơn.

Lê Ngô Cát viết:

*Bà Trưng quê ở Châu Phong*

*Giận người tham bạo thù chồng, chẳng quên.*

*Rủ em Trưng Nhị, cùng lên,*

*Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.*

*Ngàn Tây nổi áng phong trần,*

*Ám ả binh mã xuống gần Long Biên.*

*Đuổi người Tô Định chạy liền,*

Một mình gánh vác mấy bên quan hà.  
Lĩnh Nam chín quận gần xa,  
Đất ta lại trả về ta một đường.  
Tự tôn là hiệu Trưng Vương,  
Đóng đô Mê Linh cũng phương đất nhà.  
Và Phạm Đình Toái đã sửa là:  
Bà Trưng quê ở Châu Phong,  
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.  
Chị em nặng một lời nguyên,  
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân  
Ngân Tây nổi áng phong trần,  
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên.  
Hồng quân nhẹ bước chinh yên  
Đuổi ngay Tô Định dẹp tan biên thành  
Đô kỳ đóng cõi Mê Linh  
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta

Nhưng mặt khác cũng phải thấy rằng, việc “gia công” sửa sách của nhà nho cử nghiệp Phạm Đình Toái trong một số trường hợp đã làm ảnh hưởng đến giá trị của nguyên tác. Vì quá chú trọng thu ngắn bản cũ mà vẫn cố giữ nguyên số sự việc, ông đã phải lược bỏ khá nhiều chi tiết cần thiết, câu văn vì vậy nhiều khi tối nghĩa, nhiều hình ảnh đẹp đẽ, nhiều lời ca mộc mạc bị rơi rụng, biến nhiều chỗ thành những đoạn chép việc sơ lược, khô khan, câu thơ nhiều khi bị đẽo gọt cầu kỳ, điển tích nặng nề, trau dồi quá mức, mất hết cái thi vị, cái hồn nhiên, cái khỏe khoắn của nguyên tác. Đó là chưa nói tới những hạn chế của bản Phạm Đình Toái về các mặt xây dựng nhân vật, xây dựng hình tượng so với bản Lê Ngô Cát.

Hãy so sánh hai đoạn chép về bà Triệu trong hai bản cũ và mới để thấy rõ điều đó.

Nguyên văn của Lê Ngô Cát như sau:

Cửu Chân sinh có một nàng,  
Tên là Triệu Ẩu cương cường lạ thay.  
Gươm thần ngang dọc trên tay,  
Tiền thân ấy kịp môn sài nhị Trưng.  
Vú dài ba thước vắt lưng,  
Cưỡi voi gióng trống bên rừng trẩy ra.  
Cũng toan cất gánh sơn hà,  
Cho Ngô biết mặt đàn bà nước Nam.  
Trời còn chứng kẻ hung tham,  
Sa cơ mụ lại thác làm thần linh.  
Phạm Đình Toái sửa lại:

Cửu Chân có ả Triệu Kiều,  
Vú dài ba thước tài cao muôn người.  
Gặp cơn thảo muội cơ trời,  
Đem thân bỏ liễu theo loài bông tang.  
Đầu voi phát ngọn cờ vàng,  
Sơn thôn mấy cõi chiến trường xông pha.  
Chông gai một cuộc quan hà  
Dù khi chiến tử còn là hiển linh”.

Đó là lý do giải thích tại sao nhân dân lao động trước kia, nhất là nhân dân vùng Thừa Thiên – Huế, lại yêu thích Quốc sử diễn ca của Lê Ngô Cát hơn là Đại Nam Quốc sử diễn ca của Phạm Đình Toái. Đó là phần thưởng cao quý nhất đối với ông, mà không có phần thưởng nào của vua Tự Đức có thể sánh kịp. Đó có thể cũng là nguyên nhân khiến tác phẩm của Lê Ngô Cát không hợp khẩu vị của một ông vua sinh nho học như Tự Đức, và chính Phạm Đình Toái đã thấy rõ điều đó nên đã tiến hành sửa chữa theo hướng tăng cường tính chất quý tộc của tác phẩm. Căn cứ vào tình hình trên, chúng ta có thể khẳng định phần công sức đầu tiên và có giá trị quyết định của Lê Ngô Cát, nhưng đồng thời cũng phải khẳng định sự đóng góp lớn lao của Phạm Đình Toái vào việc sửa chữa tác phẩm. Cách đây hơn 100 năm, sách diễn ca lịch sử của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái đã ra đời. Mặc dù do điều kiện giai cấp và thời đại của các tác giả nên nội dung và hình thức của tác phẩm bị hạn chế trên một số điểm, nhưng nhìn chung, tác phẩm đã thể hiện được một tinh thần yêu nước mạnh mẽ, sáng rực một niềm tự hào dân tộc chính đáng. Đó chính là giá trị chân chính của sách diễn ca lịch sử và những tác giả của sách.

Theo Danh nhân quê hương, Ty văn hóa thông tin Hà Tây, 1973

---

[1]<sup>2</sup> Tên hai địa điểm ở Cao Bằng. Vườn cam nằm dưới chân Thất Khê.

[3] Chợt thấy cây dương liễu đầu đường sắc xanh rờn. Hối hận đã khuyên chồng đi tìm sắc phong hầu (thơ Đường).

[4] Phá gai góc cho quang miền mây mù lam chướng.

[5] Lý gia nương là em gái Lý Thế Dân (tức Đường Thái Tông) đã tổ chức đội nữ quân gọi là Nương tử quân đi theo giúp anh.

[6] Người thời đó lại không nhắc tới Trương Phúc Hào. Ngay Phạm Đình Toái là người cuối cùng chữa sách, khi viết bài tựa cho bản in sách mới, cũng tuyệt nhiên không hề nhắc tới Trương Phúc Hào, mà lại nhắc đến tên người nhuận sắc của bản Lê Ngô Cát là Phạm Xuân Quế.